

QUYẾT ĐỊNH

V/v thực hiện hỗ trợ chi phí lập hồ sơ, thủ tục giới thiệu địa điểm, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư của tỉnh Vĩnh Phúc theo Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc khoá XVI, kỳ họp thứ 4 về một số biện pháp đặc thù thu hút đầu tư trực tiếp và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08/02/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc khóa XVI, kỳ họp thứ 4 về một số biện pháp đặc thù thu hút đầu tư và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Văn bản xin ý kiến Thành viên UBND tỉnh số 5072/UBND-CNI ngày 06/7/2017 của Văn phòng UBND tỉnh Vĩnh Phúc;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 669/TTr-SXD ngày 30 tháng 6 năm 2017 và Báo cáo số 86/BC-STP ngày 15/6/2017 của Sở Tư Pháp về kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, trên cơ sở ý kiến tham gia của các thành viên UBND tỉnh Vĩnh Phúc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Về việc thực hiện hỗ trợ chi phí lập hồ sơ, thủ tục giới thiệu địa điểm, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư của tỉnh Vĩnh Phúc theo Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc khoá XVI, kỳ họp thứ 4 về một số biện pháp đặc thù thu hút đầu tư trực tiếp và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, cụ thể như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ:

a) Các nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc theo Điểm b, Khoản 1 Điều này và các cơ quan có liên quan trong quá trình xem xét hỗ trợ.

b) Các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh được ưu đãi đầu tư theo quyết định này (có quy mô diện tích sử dụng đất ≥ 5 ha), bao gồm:

- Các dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ cho ngành sản xuất ô tô, xe máy, công nghiệp điện tử, viễn thông; sản xuất ô tô, xe máy;

- Dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- Dự án thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển (theo Quyết định số 66/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ);

- Dự án đầu tư xây dựng kinh doanh du lịch với các loại hình du lịch sinh thái, văn hóa, nghỉ dưỡng chất lượng cao tại các khu du lịch trọng điểm của tỉnh theo quy hoạch được duyệt (Khu du lịch Tam Đảo, Đại Lải, Tây Thiên);

- Các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP.

c) Đối với lĩnh vực đầu tư xây dựng dự án nhà ở xã hội cho công nhân và người có thu nhập thấp, áp dụng theo Nghị quyết số 159/2014/NQ-HĐND ngày 22/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc khoá XV, kỳ họp thứ 11 và Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 21/01/2015 của UBND tỉnh về việc Triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết số 159/2014/NQ-HĐND ngày 22/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc khoá XV, kỳ họp thứ 11 về việc “Hỗ trợ dự án nhà ở xã hội cho công nhân và người có thu nhập thấp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015-2020”.

2. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ: Sau khi Dự án đã được đầu tư xây dựng hoàn thành và được nghiệm thu thanh quyết toán theo giá trị dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nhà đầu tư thực hiện dự án đúng theo các quy định của Nhà nước và đúng theo cam kết về mục tiêu, quy mô, tiến độ đầu tư dự án.

3. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100 % chi phí lập hồ sơ, thủ tục giới thiệu địa điểm, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo giá trị quyết toán được UBND tỉnh phê duyệt.

4. Nguồn vốn hỗ trợ: Từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế của tỉnh.

5. Thời hạn áp dụng hỗ trợ: Kể từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 31/12/2020.

Điều 2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ, cách thức, thời gian thực hiện hỗ trợ

1. Hồ sơ đề nghị hưởng hỗ trợ bao gồm:

a) Công văn đề nghị hỗ trợ; các khoản hỗ trợ đề nghị được hưởng, hồ sơ có liên quan đến việc xác định giá trị các khoản hỗ trợ đề nghị được hưởng;

b) Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm đề nghị hưởng hỗ trợ.

c) Thông báo kết quả kiểm tra hồ sơ nghiệm thu bàn giao công trình.

2. Trình tự thủ tục và thời gian thực hiện hỗ trợ.

a) Bước 1: Nhà đầu tư đáp ứng điều kiện hưởng hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, viết phiếu về thời gian tiếp nhận và thời hạn trả kết quả.

- Nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì viết phiếu tiếp nhận cho người nộp.

- Nếu hồ sơ chưa đủ và không hợp lệ thì hướng dẫn người nộp hoàn thiện theo quy định.

b) Bước 2: Thẩm định, lập báo cáo trình UBND tỉnh Quyết định.

- Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc Sở Xây dựng chuyển hồ sơ đến các cơ quan chức năng liên quan để thẩm định, xác nhận nhà đầu tư đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ.

- Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ do Sở Xây dựng chuyển đến các Sở, ngành liên quan có ý kiến thẩm định bằng văn bản gửi về Sở Xây dựng tổng hợp.

- Sở Xây dựng tổng hợp, lập báo cáo trình UBND tỉnh quyết định việc nhà đầu tư đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ trong thời hạn không quá năm (5) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

c) Bước 3: UBND tỉnh xem xét quyết định cho nhà đầu tư được hưởng chính sách hỗ trợ trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trình của Sở Xây dựng.

d) Bước 4: Sau khi nhận được quyết định hỗ trợ kinh phí của UBND tỉnh, Nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị đến Sở Tài chính để thực hiện các thủ tục hỗ trợ tiếp theo, gồm có:

- Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách: Trong vòng ba (3) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của nhà đầu tư, Sở Tài chính cấp mã số quan hệ ngân sách cho Nhà đầu tư.

- Cấp kinh phí hỗ trợ: Trong vòng mười hai (12) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của nhà đầu tư, Sở Tài chính thực hiện cấp phát kinh phí cho Nhà đầu tư theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

a) Chủ trì thẩm định hồ sơ giới thiệu địa điểm, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đối với các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư của tỉnh.

b) Theo dõi, đôn đốc và tổng hợp tình hình triển khai thực hiện cơ chế hỗ trợ chi phí lập hồ sơ giới thiệu địa điểm, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cho các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư của tỉnh; đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì phối hợp cùng Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối nguồn vốn hàng năm để hỗ trợ đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư của tỉnh theo quy định.

b) Quản lý nguồn vốn hỗ trợ, hướng dẫn, kiểm tra việc cấp phát, quyết toán đối với phần kinh phí hỗ trợ của Nhà nước theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu, đề xuất danh mục dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư của tỉnh, trình UBND tỉnh ban hành, làm căn cứ thực hiện hỗ trợ.

4. UBND các huyện, thành, thị

a) Công bố các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi của tỉnh Vĩnh Phúc để kêu gọi các thành phần kinh tế trên phạm vi địa bàn tham gia đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư của tỉnh.

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch và xây dựng của dự án theo quy định hiện hành.

5. Chủ đầu tư dự án: Có trách nhiệm quản lý và đầu tư xây dựng đảm bảo đúng mục tiêu, quy mô, tiến độ đầu tư dự án; thực hiện và phát huy hiệu quả các chính sách ưu đãi Nhà nước và của tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ; Website CP;
- Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Nhu Điều 4;
- Cổng TT GTĐT tỉnh;
- Báo VP, Đài PT&TH tỉnh; Cổng TTĐT;
- CV: CN1, NCTH;
- Lưu: VT (50b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trì